

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA, TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Điều 212; Điều 213; khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 35/2019/TLST - HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Chị Trần Thị N – sinh năm 1990.

2. Anh Lê Minh T – sinh năm 1979.

Cùng địa chỉ: Số 18, Tổ 7, Phố Bắc Sơn, phường An Hoạch, TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị N và anh Lê Minh T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND phường B, TP. T ngày 28/6/2013 là hôn nhân hợp pháp. Cả hai anh, chị đều thừa nhận quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn không khắc phục được. Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Chị N và anh T thống nhất thuận tình ly hôn là tự nguyện, không trái pháp luật, căn cứ Điều 50 Luật Hôn nhân và gia đình, công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị N và anh Lê Minh T.

[2]. Về nuôi con: Chị N và anh T có 2 con chung là Lê Trần Khánh N2, sinh ngày 01/6/2013 và Lê Xuân Bảo K, sinh ngày 06/3/2017. Ly hôn, anh chị thỏa thuận Chị N là người trực tiếp nuôi dưỡng cả 2 con. Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu là 2.500.000đ /1tháng (hai cháu là 5.000.000đ/tháng). Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 01/2020 cho đến khi hai cháu thành niên. Thỏa thuận của anh chị hoàn toàn tự nguyện, đảm bảo quyền lợi của con, phù hợp với quy định của pháp luật nên Tòa án chấp nhận.

[3]. Về tài sản chung và công nợ: Chị N và anh T không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[4]. Về lệ phí Tòa án: Chị N và anh T thỏa thuận, Chị N chịu toàn bộ tiền lệ phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Trần Thị N và anh Lê Minh T thuận tình ly hôn.

- *Về nuôi con:* Chị N và anh T có 2 con chung là Lê Trần Khánh N2, sinh ngày 01/6/2013 và Lê Xuân Bảo K, sinh ngày 06/3/2017. Giao cả hai con là cháu Lê Trần Khánh N2 và Lê Xuân Bảo K cho Chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu là 2.500.000đ /1tháng (cả hai cháu là 5.000.000đ/tháng). Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 01/2020 cho đến khi hai cháu thành niên. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung và công nợ:* Chị N và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị N chịu 300.000đ lệ phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí chị đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số AA/2018/0000629 ngày 17/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa (Chị N đã nộp đủ lệ phí).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND TP. Thanh Hóa;
- Chi cục THADS TP. Thanh Hóa;
- UBND P. Ba Đình, TP. Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Trần Thị Nga